TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/LĐ-ST
Ngày 30/8/2018
V/v Tranh chấp về bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 26/2018/TLST-LĐ ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp về bảo hiểm xã hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Anh Lê Phụng A, sinh năm 1983; thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh V; tạm trú: Số 37/8, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 25/7/2018).

Bị đơn: Công ty Cổ phần T; địa chỉ trụ sở: Số 32C, khu phố N, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1963 – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Thanh H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ 10, ấp H 4, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2018 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Phụng A trình bày:

Anh Lê Phụng A làm việc cho Công ty cổ phần T (sau đây gọi tắt là Công ty T) từ tháng 7/2003, đến tháng 4/2005 giữa anh Lê Phụng A và Công ty T ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn, tuy nhiên hợp đồng lao động do Công ty T giữ nên anh Lê Phụng A không thể cung cấp cho Tòa án. Anh Lê Phụng A đã nghỉ làm việc tại Công ty T từ ngày 29/4/2018. Quá trình làm việc, công ty T đã tham gia bảo hiểm xã hội cho anh Lê Phụng A và hàng tháng vẫn trích tiền lương của anh Lê Phụng A nhưng không nộp vào Quỹ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. Thời gian trích đóng từ tháng 01/2005 đến tháng 3/2018. Hiện nay mặc dù đã nhiều lần anh Lê Phụng A yêu cầu bị đơn chốt sổ bảo hiểm xã hội và giao trả sổ cho anh Lê Phụng A nhưng công ty T vẫn không thực hiện. Anh Lê Phụng A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty T phải chốt sổ bảo hiểm xã hội cho anh Lê Phụng A từ tháng 01/2005 đến tháng 03/2018 và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh Lê Phụng A theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của Công ty T là anh Lê Thanh H trình bày: thống nhất với trình bày của anh Lê Phụng A về thời gian làm việc và sự việc liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của anh Lê Phụng A. Công ty T xác nhận đã trích lương của anh Lê Phụng A để tham gia bảo hiểm xã hội đến thời điểm tháng 3/2018, tuy nhiên do hiện nay công ty T đang gặp khó khăn về tài chính và cũng đang nợ tiền bảo hiểm xã hội nhiều năm nên không có khả năng chốt sổ bảo hiểm để hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh Lê Phụng A theo quy định của pháp luật. Trước yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phụng A, công ty T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Nguyên đơn là anh Lê Phụng A khởi kiện tranh chấp về bảo hiểm xã hội với bị đơn là Công ty T nên đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 32 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 25/7/2018, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và đại diện bị đơn có cơ sở xác định: Nguyên đơn vào làm việc tại Công ty T từ tháng 7/2003. Tháng 4/2005 hai bên ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Từ ngày 29/4/2018, nguyên đơn chấm dứt hợp đồng lao động và bắt đầu nghỉ việc tại Công ty T nhưng Công ty T chỉ xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn đến thời điểm tháng 03/2011 vì bị đơn đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa thực hiện nộp tiền bảo hiểm xã hội cho người lao động về Quỹ bảo hiểm xã hội từ thời điểm tháng 3/2011 đến nay. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là trách nhiệm chung của người sử dụng lao động và người lao động theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 và Khoản 2 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014. Tại công văn số 541/CV-BHXH ngày 18/7/2018 của Bảo hiểm xã hội thị xã D xác nhận Công ty T có tham gia bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn tại Bảo hiểm xã hội thị xã D từ tháng 01/2005 đến tháng 3/2018, tuy nhiên do Công ty T hiện đang nợ tiền bảo hiểm xã hội, chưa trích nộp theo quy định của pháp luật (đã nộp tiền bảo hiểm xã hội đến thời điểm tháng 02/2011) nên chưa thể chốt sổ để hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện bị đơn thừa nhận có việc trích tiền lương của nguyên đơn để tham gia bảo hiểm xã hội đến thời điểm tháng 3/2018. Như vậy việc Công ty T đã trừ lương của nguyên đơn hằng tháng nhưng không trích nộp tiền bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, không chốt sổ bảo hiểm xã hội và không hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn là vi phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 47 Bộ Luật Lao động 2012 nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 144, Khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a Khoản 1 Điều 22, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 47 Bộ

Luật Lao động 2012; Khoản 1 Điều 19, Khoản 2 và Khoản 5 Điều 21 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phụng A đối với Công ty Cổ phần T về việc tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty Cổ phần T phải xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội của anh Lê Phụng A từ tháng 01/2005 đến tháng 03/2018 và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho anh Lê Phụng A theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Anh Lê Phụng A không phải chịu. Công ty Cổ phần T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt ông Lê Phụng A, có mặt ông Lê Thanh H.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh